ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3624/UBND-NNTN V/v phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển các Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh tỉnh	*Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2015*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 5406
Ngày: 21/7/15
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính như sau:

I. Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ Quảng Ngãi

1. Địa chỉ: Xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh sau khi sắp xếp:

Tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu mía phục vụ cho ngành chế biến đường của tỉnh và đầu tư trồng rừng sản xuất, cung cấp gỗ nguyên liệu dăm xuất khẩu, sản xuất cung ứng giống, vật tư nông lâm nghiệp chất lượng cao cho người dân trên địa bàn, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động ở nông thôn.

Công ty hoạt động với các ngành nghề sau: Trồng cây mía, trồng cây công nghiệp dài ngày; sản xuất, cung ứng các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp; trồng cây lấy củ có chất bột; trồng rừng, chăm sóc rừng; khai thác gỗ rừng trồng; chăn nuôi bò và gia súc khác; dịch vụ tư vấn kỹ thuật nông, lâm nghiệp; dịch vụ làm đất, tưới tiêu; dịch vụ cung ứng các loại vật tư, phân bón, thuốc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng; mua, bán các sản phẩm nông, lâm sản nguyên liệu; dịch vụ cho thuê kho, bãi; dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

3. Phương án sử dụng đất: Đất sau khi sắp xếp được tiếp tục quản lý, sử dụng: 709,44 ha; trong đó: Đất nông, lâm nghiệp: 704,49 ha (gồm có: đất sản xuất nông nghiệp: 364,35 ha; đất lâm nghiệp: 337,09 ha, trồng rừng nguyên liệu dăm; đất nuôi trồng thủy sản: 0,18 ha; đất nông nghiệp khác: 2,87 ha, xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp, trồng vườn giống gốc); đất phi nông nghiệp: 4,95 ha.

4. Phương án sắp xếp đổi mới Công ty

Phương án sắp xếp, chuyển đổi cổ phần Công ty không tăng vốn điều lệ. Mục đích huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của người lao động, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động. Khi công ty đi vào hoạt động theo mô hình mới ổn định, sẽ tiếp tục thoái vốn nhà nước theo đúng tỷ lệ quy định.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi sắp xếp

Hướng mục đích Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển ổn định sẽ đảm bảo được sự hài hoà giữa 3 lợi ích: tăng thêm nguồn ngân sách cho Nhà nước; tăng tích luỹ để tái sản xuất mở rộng, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên và người lao động nông thôn trong khu vực. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty:

Khoản mục	Đơn vị tính	Hiện trạng 2014	Phương án		
			2015	2016	2017
Doanh thu	Tr.đồng	11.000,31	12.933	13.949	14.777
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	194,08	223,97	246,37	271,00
Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	38,51	74,66	82,12	90,33
Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.đồng/ người/tháng	4,5	4,91	5,4	5,94
Thu nhập của hộ nhận khoán	Tr.đồng/hộ/ năm	31,31	50,71	58,62	65,31

Hoạt động của Công ty luôn đảm bảo có lợi nhuận, thu nhập bình quân của người lao động tăng, tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên và hộ dân địa phương. Đáp ứng được chỉ tiêu thực hiện chính sách phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến mía đường và gỗ dăm của tỉnh, khuyến khích việc sử dụng tài nguyên, đất đai của Công ty ngày càng có hiệu quả hơn.

II. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô

1. Địa chỉ: Km 42, Quốc lộ 24, xã Ba Tô, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh sau khi sắp xếp

a) Thực hiện nhiệm vụ công ích (Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất).

b) Sản xuất kinh doanh: Ngoài nhiệm vụ công ích công ty thực hiện nhiệm vụ kinh doanh khác theo quy định pháp luật với nhiệm vụ như: Trồng rừng, chăm sóc rừng; quản lý bảo vệ rừng, khai thác và sơ chế gỗ; khai thác gỗ; khai thác lâm sản khác.

Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp: Thầu khoán các công việc lâm nghiệp, đánh giá ước lượng, số lượng, sản lượng cây trồng, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sau bệnh cây lâm nghiệp, vận chuyển gỗ, lâm sản

và các hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác như: Tư vấn thiết kế lâm nghiệp, mua bán cây giống.

3. Phương án sử dụng đất: Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp còn lại công ty quản lý sử dụng trên địa bàn 02 xã, Ba Tô và Ba Nam huyện Ba Tơ là: 4.479,18 ha; trong đó:

a) Đất nông, lâm nghiệp: 4.474,94 ha; trong đó: Đất rừng tự nhiên sản xuất: 4.009,37 ha; đất trồng rừng sản xuất: 465,57 ha.

b) Đất khác: 4,24 ha; trong đó: Đất trụ sở làm việc: 1,38 ha; đất vườn ươm giống cây lâm nghiệp: 2,86 ha.

4. Phương án sản xuất kinh doanh sau khi sắp xếp, đổi mới

Sắp xếp đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo bước chuyển mới về chất, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, phát triển vùng nguyên liệu; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng bền vững tài nguyên rừng, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng mô hình doanh nghiệp sản xuất khép kín trong sản xuất kinh doanh từ trồng rừng đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất lâm nghiệp; xây dựng vườn giống có chất lượng cao, phục vụ cho trồng rừng thâm canh tăng năng suất sản lượng gỗ rừng trồng, cung ứng cho nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh.

Trồng rừng sản xuất bình quân từ 100 ha - 200 ha/ năm; chăm sóc rừng sản xuất bình quân từ 200 ha - 460 ha/năm; quản lý bảo vệ rừng sản xuất 460 ha/năm; quản lý bảo vệ rừng tự nhiên 4.009,37 ha/năm; sản xuất cây giống các loại từ 500.000 - 700.000 cây/năm; khai thác rừng trồng sản xuất từ 100 ha - 200 ha/năm; doanh thu từ 5 tỷ - 10 tỷ đồng/năm; hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2015; đầu tư nâng cấp vườn với quy mô diện tích 2,86 ha với các giống cây đầu dòng keo các loài và cây bản địa đạt chất lượng.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi sắp xếp

Tiếp tục trồng rừng trên diện tích đất sau khai thác và quỹ đất quy hoạch cho trồng mới theo phương án sử dụng đất của công ty là: 460 ha. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào trồng rừng thâm canh tăng năng suất, phấn đấu tăng năng suất rừng trồng lên 140-160 m^3/ha; đảm bảo cho việc thu hồi vốn đầu tư, lợi nhuận còn lại đạt từ 25-30 triệu đồng/ha cho công ty và hộ nhận khoán. Nguồn nguyên liệu rừng trồng cung ứng cho các nhà máy dăm trong và ngoài tỉnh. Cung cấp giống cây lâm nghiệp cho dự án trồng rừng công ty và nhu cầu trồng rừng của nhân dân trong và ngoài tỉnh.

III. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân

Ngày 05/12/2014, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 thanh tra toàn diện hoạt động đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân. Hiện nay, Thanh tra tỉnh đang hoàn chỉnh dự thảo kết luận thanh tra, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định. Căn cứ quy định tại Điều 11, Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao

hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và nội dung đề xuất của Đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định nêu trên, UBND tỉnh thống nhất thực hiện **giải thể hoặc phá sản theo quy định** đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân với lý do:

1. Về đất đai: Theo hiện trạng về quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Trà Tân thì đất lâm nghiệp của Công ty đang quản lý, sử dụng đã được đo đạc nhưng chưa cắm mốc ranh giới. Hiện nay chính quyền địa phương của 02 huyện Trà Bồng và Tây Trà đề nghị thu hồi toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp của Công ty để giao cho địa phương quản lý. Như vậy thời gian đến Công ty không có đất để sản xuất.

2. Về nguồn vốn: Công ty thiếu vốn để sản xuất kinh doanh, việc kinh doanh của đơn vị thời gian qua không đạt hiệu quả; vốn điều lệ của Công ty chủ yếu là tài sản cố định. Công ty không có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay tại các ngân hàng.

IV. Kiến nghị:

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp theo phương án được lập với các hình thức sau:

- Công ty TNHHMTV 24/3 Đức phổ Quảng Ngãi thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, nhà nước không giữ cổ phần chi phối.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển 100% vốn nhà nước; thực hiện nhiệm vụ công ích theo quy định của pháp luật *(theo Điểm 2, Điều 8 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ).*

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân giải thể hoặc phá sản thực hiện theo quy định hiện hành.

(Có Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh kèm theo)

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo./.

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

Nơi nhận:
-Như trên;
-TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
-Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
-Vụ Quản lý Doanh nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
-CT, PCT UBND Tỉnh;
-Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Ba Tô, Trà Tân, Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ;
-VPUB: CVP, PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNak593.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN
TỔNG THỂ SẮP XẾP, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Công văn số 3629/UBND-NNTN ngày 21 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

MỞ ĐẦU

I. Đặt vấn đề

Các nông lâm trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được thành lập từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng năm 1975. Sau khi thành lập, các nông, lâm trường được nhà nước giao đất, giao rừng với diện tích lớn, tổng diện tích các đơn vị được giao là 110.658,6 ha, chủ yếu thực hiện mục tiêu "phủ xanh đất trống đồi núi trọc" theo Chương trình 327. Diện tích đất giao cho các nông, lâm trường quản lý, sử dụng còn khoanh vùng chung chung, chưa hoạch định rõ ranh giới, mốc giới sử dụng đất tại thực địa. Do vậy, hầu hết các nông, lâm trường không quản lý, sử dụng hết diện tích được giao, để đất trống, dẫn đến tình trạng người dân địa phương lấn, chiếm đất để sử dụng khá phổ biến.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ nâng cao hiệu quả và phát triển doanh nghiệp một cách bền vững theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông lâm trường quốc doanh; các đơn vị đã tiến hành sắp xếp, đổi mới từ nông, lâm trường quốc doanh thành Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp hoạt động theo mô hình doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh còn 05 đơn vị đang hoạt động; trong đó có 02 đơn vị trực thuộc Bộ, ngành Trung ương quản lý là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tơ (trước đây là Lâm trường Ba Tơ), Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Bồng (trước đây là Lâm trường Trà Bồng) và 03 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô (trước đây là Lâm trường Ba Tô), Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân (trước đây là Lâm trường Trà Tân), Công ty TNHH một thành viên Nông, lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ (trước đây là Nông trường 24/3 Đức Phổ).

Tuy nhiên, thực tế hoạt động vừa qua cũng như trong thời gian sắp đến, việc sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường là xu thế tất yếu nhằm phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường pháp lý bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong môi trường kinh doanh hiện

nay với nhiều cơ hội lẫn thách thức trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và lộ trình tham gia WTO; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên rừng; gắn quyền lợi với trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có; tạo công ăn việc làm và thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa; phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn; nhằm góp phần xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết 30a của Chính phủ là rất cần thiết.

II. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ Về Chương trình, kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 12/3/2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 172/2013/NĐ- CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Công ty con của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/ 2014 của Chính phủ Về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/ 2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 51/2015/TT-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số vấn đề về sử lý tài chính khi sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số chính sách tài chính đặc thù đối với Công ty nông lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới;

Trên cơ sở Thông báo số 1106-TB/TU ngày 23/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2259/BNN-QLDN ngày 19/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc xây dựng đề án, phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty Nông, lâm nghiệp.

PHẦN I
HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. Tình hình cơ bản

Biểu 01/TH-ĐĐ

TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP)

TT	Loại đất	Mã	Tổng số (ha)	Chia ra		
				Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân
I	**Tổng diện tích đất của công ty**		**11.768,53**	**770,18**	**5.621,53**	**6.147,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**11.762,29**	**738,93**	**5.617,29**	**6.145,00**
1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***SXN***	***0,50***	***378,81***		***0,50***
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	-	339,42		
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	27,58		
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,50	311,84		0,50
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-	39,39		
1.2	***Đất lâm nghiệp***	***LNP***	***11.761,79***	***359,76***	***5.617,29***	***6.144,50***
1.2.1	Đất rừng sản xuất:	RSX	10.377,51	359,76	4.233,01	6.144,50
1.2.1.1	Đất có rừng tự nhiên	1100	5.634,37	-	4.009,37	1.625,00
1.2.1.1.1	Rừng gỗ	1110	-	-		
a)	Rừng giàu	1111	4.009,37	-	4.009,37	
b)	Rừng trung bình	1112	1.625,00	-		1.625,00
1.2.1.2	Đất có rừng trồng	1200	842,64	359,76	223,64	619,00
1.2.1.2.1	Rừng gỗ	1210	619,00	359,76	223.64	619,00
1.2.1.3	Đất chưa có rừng	2000	5.284,78	-	1.384,28	3.900,50

1.2.1.3.1	Đất nương rẫy (Lâm nghiệp)	2010	1.384,28	-	1.384,28	
1.2.1.3.2	Đất Không có cây tái sinh (Ia, Ib)	2020	3.900,50	-		3.900,50
1.3	***Đất nuôi trồng thủy sản***	***NTS***	***-***	***0,18***		
1.4	***Đất làm muối***	***LMU***	***-***	***-***		
1.5	***Đất nông nghiệp khác***	***NKH***	***-***	***0,18***		
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,88**	**8,37**		**1,88**
2.1	***Đất ở***	***OCT***	***-***	***-***		
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-		
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-		
2.2	***Đất chuyên dùng***	***CDG***	***4,24***	***3,60***	***4,24***	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	3,60	1,38	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,86	-	2,86	
2.3	***Đất cơ sở tôn giáo***	***TON***	***-***	***-***		
2.4	***Đất cơ sở tín ngưỡng***	***TIN***	***-***	***-***		
2.5	***Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT***	***NTD***	***-***	***0,01***		
2.6	***Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối***	***SON***	***-***	***0,01***		
2.7	***Đất có mặt nước chuyên dùng***	***MNC***	***-***	***3,46***		
2.8	***Đất phi nông nghiệp khác***	***PNK***	***-***	***1,29***		
3	**Đất chưa sử dụng (không thuộc đất LN)**	**CSD**	**-**	**22,88**		
3.1	***Đất bằng chưa sử dụng***	***BCS***	***-***	***11,50***		
3.2	***Đất đồi núi chưa sử dụng***	***DCS***	***-***	***11,38***		
3.3	***Núi đá không có rừng cây***	***NCS***	***-***	***-***		
II	**Đất có mặt nước ven biển (quan sát)**	**MVB**	**-**	**-**		

Biểu số 02/TH-SDĐ

TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Theo Nghị định số 118/2004/NĐ-CP)

TT	Hiện trạng sử dụng đất	Tổng số (ha)	Chia ra		
			Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân
1	**Diện tích tự tổ chức SX**	**9.345,27**	**770,18**	**4.802,09**	**3.773,00**
2	**Diện tích khoán**	**670,00**	**446,36**	**223,64**	**-**
2.1	Khoán theo NĐ 135				
2.2	Khoán theo NĐ 01	670,00	446,36	223,64	
2.3	Khoán quản lý bảo vệ				
2.4	Khoán trắng				
3	**Diện tích sử dụng khác**	**3.233,02**	**125,19**	**733,83**	**2.374,00**
3.1	Diện tích cho thuê				
3.2	Diện tích cho mượn				
3.3	Diện tích bị tranh chấp				
3.4	Diện tích bị lấn, chiếm	2.550,99	125,19	595,8	1.830,00
3.5	Diện tích bị cấp trùng				
3.6	Diện tích liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư	682,03		138,03	544,00

Biểu 03/TH-KD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP)

Chỉ tiêu	Mã	Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	10.590.991	1.333.050	43.666.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	10.590.991	1.333.050	43.666.667
4. Giá vốn hàng bán	**11**	9.329.927	881.743	-

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**	1.261.064	451.307	43.666.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	719.943	65.334	-
7. Chi phí tài chính	**22**	6.089		
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	**23**			
8. Chi phí bán hàng	**24**	279.894		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**	1.433.888	646.710	270.021.533
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**	261.137	(130.070)	(226.354.866)
{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}				
11. Thu nhập khác	**31**	65.566	154.570	63.100.000
12. Chi phí khác	**32**	95.766	27.033	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	(30.199)	127.537	63.100.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**	230.938	(2.533)	(163.254.866)
(50 = 30 + 40)			-	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	28.001		
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	**52**	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**	202.937	(2.533)	(163.254.866)
(60 = 50 – 51 - 52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**			

Chỉ tiêu được tổng hợp từ biểu 07/KD theo đề án của các công ty nông, lâm nghiệp đã được thẩm định, số liệu là số bình quân 03 năm liền kề.

II. Phân tích, thuyết minh, đánh giá về hiện trạng và rút ra các kết luận

1. Đối với Công ty TNHH một thành viên Nông, lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm (2012-2014) gồm một số chỉ tiêu đạt được sau:

- Doanh thu: Năm 2012: 7.201,08 triệu đồng; Năm 2013: 13.571,57 triệu đồng và năm 2014: 11.000,31 triệu đồng.

- Lợi nhuận bình quân/năm sau 3 năm: Gần 200 triệu đồng/năm (năm 2012: 297,28 triệu đồng; năm 2013: 117,44 triệu đồng; và năm 2014: 194,08 triệu đồng).

- Lương bình quân/người/tháng: gần 4,5 triệu đồng (năm 2012: 4,25 triệu đồng; năm 2013: 4,5 triệu đồng và năm 2014: 4,5 triệu đồng).

Qua kết quả trên cho thấy, trong những năm qua hoạt động của Công ty đạt được các mục tiêu quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tài nguyên đất đai và giải quyết công ăn việc làm và nâng cao được thu nhập cho lao

động nông thôn, đảm bảo ổn định phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo đảm anh ninh quốc phòng trong khu vực. Năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty ngày một phát triển ổn định. Doanh thu hàng năm của Công ty chủ yếu từ cấy mía và một phần từ rừng trồng; năm 2014 thấp hơn năm 2013 nguyên nhân do năng suất, sản lượng mía năm 2014 thấp, vì do ảnh hưởng thời tiết khí hậu năm 2014 bị khô hạn hơn 2013.

2. Đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô

Qua biểu phân tích về tài chính trong 03 năm cho thấy, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2012 lỗ 23.212 ngàn đồng, năm 2013 và 2014, lợi nhuận đạt thấp nhưng Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước và các chế độ chính sách về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động trong Công ty.

Thực hiện việc giao đất, khoán rừng cho hộ nhận khoán trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và chuyển giao kỹ thuật, khoa học công nghệ đến người dân, từ đó đã nâng cao năng suất sản lượng gỗ rừng trồng, giải quyết hài hòa lợi ích giữa nhà nước, Công ty và người nhận khoán; tạo công ăn việc làm cho nhân dân trong trong khu vực.

**** Nguyên nhân lỗ và lợi nhuận thấp:***

- Thời gian sắp xếp chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Sông Re thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô kéo dài từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 3 năm 2012 mới được bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, do đó việc lãnh đạo, điều hành luôn bị động, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh không đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra.

- Vốn lưu động chỉ hơn 1,5 tỷ đồng; chu kỳ sản xuất kinh doanh nghề rừng dài ngày, Công ty không vay được vốn từ ngân hàng để đầu tư sản xuất vì không có tài sản thế chấp; thiếu vốn đầu tư dẫn đến hiệu quả kinh doanh đạt thấp.

- Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ khai thác rừng trồng; lợi nhuận trong khai thác gỗ rừng trồng của Công ty còn phải phân chia cho hộ nhận khoán trồng rừng 50% và trích cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng địa phương 5%, lợi nhuận Công ty còn lại 45%. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn phải trả lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN cho một số lao động trong Công ty thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất với số tiền trên 200.000.000 đồng/năm ***(Hai trăm triệu đồng)*** bằng nguồn vốn của doanh nghiệp (do nhà nước không cấp kinh phí cho Công ty để trả lương cho lực lượng này).

3. Đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm (2012-2014) như sau:

- Lợi nhuận bình quân/ năm, sau 3 năm: Lỗ (Năm 2012: - 462,937 triệu đồng; năm 2013: 163,6 triệu đồng và năm 2014: 10,572 triệu đồng

- Lương bình quân/người/tháng: gần 3 triệu đồng (Năm 2012: 3,2 triệu đồng; Năm 2013: 3,4 triệu đồng và năm 2014: 3,5 triệu đồng)

Qua kết quả trên cho thấy, những năm qua Công ty hoạt động không hiệu quả, bị thua lỗ kéo dài; căn cứ theo Quyết định 809/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2013: ***Doanh nghiệp xếp loại C.***

III. Phân tích, thuyết minh, đánh giá về hiện trạng

1. Kết quả đạt được

Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp đúng mục đích, có hiệu quả, quản lý và phát triển rừng bền vững, hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung và gắn với thị trường tiêu thụ. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc sản xuất giống cây lâm nghiệp và trong trồng rừng để tăng năng suất và chất lượng rừng trồng. Thực hiện chuyển các công ty nông, lâm nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp do UBND tỉnh Quảng Ngãi làm chủ sở hữu, đã sắp xếp lại lao động dôi dư giải quyết chế độ nghỉ việc cho người lao động. Về tài chính các công ty đã xác định lại giá trị tài sản, đối chiếu các khoản nợ phải thu, phải trả, các nguồn vốn, các quỹ, lập phương án xử lý các vấn đề về tài chính, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần xóa đóa giảm nghèo và ổn định an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại:

Các công ty chưa kịp thời chuyển đổi nội dung và phương pháp hoạt động của Công ty theo cơ chế mới, chưa thực hiện tốt nhiệm vụ ứng dung các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp để phổ biến, hướng dẫn cho nông dân.

Việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện sắp xếp, đổi mới theo đúng quy định của nhà nước trong quá trình thực hiện các giải pháp sau khi chuyển đổi chưa đồng bộ, việc kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ nên vẫn còn sai sót, chậm trễ đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Về tài chính, tín dụng: Vốn sản xuất kinh doanh còn nhỏ, không được cấp vốn bổ sung, các công ty không được tiếp cận nguồn vốn vay trồng rừng tại ngân hàng phát triển vì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không vay được vốn tại các Ngân hàng Thương mại vì không có tài sản thế chấp.

Về quản lý, sử dụng đất: Các Công ty quản lý, sử dụng đất được giao chưa chặt chẽ, kém hiệu quả để người dân lấn chiếm, sử dụng.

Một số Công ty làm ăn thua lỗ, hiệu quả thấp kéo dài nhiều năm không khắc phục được.

b) Nguyên nhân tồn tại:

- Về mô hình tổ chức: Mặc dù đã được sắp xếp chuyển đổi các nông lâm trường quốc doanh sang Công ty TNHH một thành viên, song cơ chế hoạt động chưa có thay đổi, thực chất mới chỉ là đổi tên mà chưa thay đổi thật sự về "chất".

- Về cơ cấu tổ chức: Bộ máy tổ chức hoạt động các công ty còn thiếu, nguồn nhân lực các công ty đều xuất thân từ nông, lâm trường chuyển qua chứ chưa có sự thay đổi về "chất", chưa có sự thay đổi về con người, không tuyển dụng được nguồn nhân lực đào tạo cơ bản dẫn đến trình độ của đội ngũ cán bộ tại các công ty hiện đang trong tình trạng "vừa thiếu lại vừa yếu".

- Về quản lý sử dụng đất: Các công ty đang quản lý sử dụng diện tích đất tại 04 huyện: Đức Phổ, Ba Tơ, Trà Bồng và Tây Trà là 14.172 ha; nhưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất thấp 4.040 ha và chưa được cắm môc ranh giới. Các công ty nông, lâm nghiệp chưa tích cực đề nghị và phối hợp để thực hiện cấp GCNQSD đất, cắm mốc giới và ký hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên việc lấn chiếm đất lâm nghiệp xảy ra ở hầu hết các công ty. Quản lý diện tích rừng trồng sản xuất, đất quy hoạch rừng trồng sản xuất và diện tích rừng tự nhiên sản xuất chỉ giao quản lý bảo vệ nhưng nguồn kinh phí để quản lý, bảo vệ diện tích rừng này từ nhiều năm nay không được cấp.

- Về tài chính, tín dụng: Nguồn vốn của các Công ty sau khi sắp xếp, chuyển đổi là rất nhỏ, vốn điều lệ được phê duyệt là 13,1 tỷ đồng (Công ty TNHH một thành viên Ba Tô 4,3 tỷ đồng và Công ty TNHH một thành viên Trà Tân là 8,8 tỷ đồng) nhưng các Công ty phải thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đồng thời phải thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng tự nhiên, nhưng kinh phí bảo vệ rừng tự nhiên không được cấp. Tổng số vốn cố định và lưu động thấp, tài sản cố định, vốn tự có của công ty không đáp ứng đủ các điều kiện quy định của ngân hàng nên không được vay vốn và không tiếp cận được các nguồn vốn vay từ ngân hàng phát triên cũng như các Ngân hàng thương mại. Vì vậy các công ty thiếu vốn đầu tư dẫn đến việc sử dụng đất kém hiệu quả, việc làm, thu nhập của cán bộ, công nhân và người lao động còn bấp bênh dẫn đến việc sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

- Về sản xuất kinh doanh: Từ việc vốn sản xuất kinh doanh của công ty quá ít, không được vay vốn của ngân hàng nên việc sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng bị hạn chế, nên doanh thu hàng năm đạt thấp. Ngoài ra đối với Công ty THHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ thì có thêm phần Hệ thống kênh mương chưa được xây dựng, năng suất cây trồng phụ thuộc lớn vào thời tiết làm cho năng suất chất lượng cây trồng không cao, chưa kích thích sản xuất phát triển. Bên cạnh đó giá vật tư phân bón lên cao, nhưng giá trị sản phẩm không cao, nên kết quả SXKD chưa đạt như kết quả

mong muốn.

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ
SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

1. Phương án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp

Biểu số 04/SXĐM

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

TT	Tên công ty	Phương án sắp xếp, đổi mới					
		C ty CP Nhà nước giữ cổ phần chi phối (%)	Cty CP Nhà nước không giữ cổ phần chi phối	C ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ SXKD	Cty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích	C ty TNHH 2 thành viên trở lên	Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định
1	Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đ. phổ		X				
2	Công ty TNHH MTV Ba Tô				X		
3	Công ty TNHHMTV Trà Tân						X

**** Thuyết minh, phân tích phương án***

- Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ: Thực hiện chức năng nhiệm vụ sản xuất của Công ty, những năm qua công ty luôn hoạt động có hiệu quả. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được bố trí tập trung liền vùng, thực hiện đúng chức năng quy định của pháp luật và tổ chức sản xuất đảm bảo theo quy hoạch của ngành nông nghiệp địa phương; xuất phát từ thực tế trên, công ty được sắp xếp cổ phần hóa nhà nước nắm không giữ cổ phần chi phối.

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô: Căn cứ vào tình hình thực tế về quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp hàng năm của UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với công ty. Do vậy, Công ty TNHH một thành viên Ba Tô xác định đề án sắp xếp, đổi mới công ty thuộc loại hình Công ty nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, thực hiện nhiệm vụ công ích theo quy định của pháp luật.

Về tiềm năng đất đai, lao động dồi dào, điều kiện khí hậu thuận lợi, kết hợp những kinh nghiệm thực tiễn qua các năm sản xuất kinh doanh, công ty nhận thấy loại hình được lựa chọn là phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương như:

+ Khai thác triệt để tiềm năng đất đai, lao động, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động trong vùng dự án; tăng thu nhập góp phần vào chương trình xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết 30a của Chính phủ; nhằm hạn chế việc phá rừng làm nương rẫy và khai thác lâm sản trái phép.

+ Cung cấp nguồn nguyên liệu ổn định lâu dài cho công nghiệp chế biến gỗ và dăm giấy.

+ Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng và phát triển rừng; tăng độ che phủ của rừng ở vùng đất trống đồi núi trọc, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm được thiên tai hạn hán, lũ lụt xảy ra; ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân: Giải thể (theo Nghị định 118/NĐ-CP Điều 11: giải thể Công ty lâm nghiệp) hoặc phá sản theo quy định hiện hành.

2. Phương án sử dụng đất

Tổng diện đất của 03 Công ty: 5.188,62 ha. (Đất cho thuê: 1.179,25 ha và đất giao không thu tiền sử dụng đất: 4.009,37 ha); trong đó:

- Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức phổ: 709,44 ha (đất cho thuê).

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô: 4.479,18 ha (đất cho thuê: 469,81 ha và đất giao không thu tiền sử dụng đất 4.009,37 ha).

- Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trà Tân: Không có phương án sử dụng đất vì công ty giải thể hoặc phá sản.

(Chi tiết có Biểu số 5 kèm theo)

*** Thuyết minh, phân tích phương án:**

- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất, Công ty tiến hành rà soát những diện tích phù hợp để lập phương án sử dụng đất trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở tổ chức thực hiện; Chủ động, quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả đúng mục đích; Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sử dụng đất, tài nguyên rừng; Đo đạt, cắm mốc, giao đất, và cho thuê đất, và cấp giấy CNQSD đất.

Việc đo đạc, cắm mốc ranh giới đã thực hiện hoàn thành trong tháng

12/2014; trong năm 2015 Công ty hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thu hồi, bàn giao đất về địa phương: Các công ty tiến hành rà soát, điều chỉnh hiện trạng qui mô đất đai công ty hiện nay không còn phù hợp chuyển trả cho địa phương quản lý sử dụng; dự kiến như sau:

+ ***Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ:*** Theo Quyết định 3360/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 Công ty quản lý diện tích 922,6 ha; đến ngày 28/10/2014 UBND tỉnh ban hành Quyết định 1543/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cắm mốc đo đạt đường ranh giới, đo đạt lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất giữa công ty với các địa phương công ty chỉ còn quản lý diện tích 770,18 ha; với diện tích này công ty tiếp tục rà soát sẽ dự kiến sử dụng 704,49 ha đất phi nông nghiệp 4,95ha tổng cộng 709,44 ha; Như vậy, Công ty bàn giao cho địa phương quản lý qua các đợt là 213,16 ha

+ ***Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Ba Tô:*** Theo Quyết định 54/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 quản lý 7.347,9 ha; đến ngày 01/7/2013 UBND tỉnh ban hành Quyết định 159/QĐ-UBND công ty chỉ quản lý 6.049 ha *(bàn giao cho địa phương 1.298,9ha)*; đến ngày 28/10/2013 UBND tỉnh ban hành Quyết định 1543/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: cắm mốc đo đạt đường ranh giới, đo đạt lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất các nông lâm trường trên địa bàn tỉnh chỉ còn quản lý diện tích 5.621,52ha; tiếp tục rà soát tiếp tục giao cho địa phương 1.142,33 ha; Công ty chỉ quản lý (5.621,52ha-1.142,33ha =4.479,18ha) Trong đó: (đất cho thuê: 469,81 ha và đất giao không thu tiền sử dụng đất 4.009,37 ha); Như vậy công ty bàn giao cho địa phương quản lý qua các đợt là 7.347,9 ha - 4.479,18ha = 2.868.72ha.

3. Phương án quản lý, sử dụng tài sản

- Số lượng tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng: Vườn cây, mặt nước nuôi trồng thủy sản: 502,99 ha; rừng sản xuất là rừng trồng: 619,4 ha

- Số lượng tài sản không sử dụng: Đường giao thông: 5,79 km; nhà xưởng sản xuất, nhà kho: 405 m2.

(Chi tiết có Biểu số 6 kèm theo)

*** Thuyết minh, phân tích phương án:**

- Hỗ trợ đầu tư để xây dựng lại trụ sở làm việc hiện nay đã hết khấu hao và xuống cấp nghiêm trọng; một phần tài sản của Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức phổ được giữ lại để tiếp tục phục vụ sản xuất kinh doanh, các nhà kho đề nghị thanh lý, thu hồi vốn (kho nông sản, kho vật tư...) được xây dựng từ khi nông trường mới thành lập, đến nay xuống cấp và không có nhu cầu sử dụng.

4. Phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích

Biểu số 07/QLR

TT	Phương án quản lý, sử dụng theo loại rừng	Mã số	Tổng số (ha)	Chia ra		
				C ty TNHH MTV NLN 24/3 Đức phổ	Cty TNHH MTV LN Ba Tô	Cty TNHHMTV LN Trà Tân
1	Thực hiện nhiệm vụ công ích	1111			4.009,37	
2	Xây dựng phương án QLRBV	1210		337,09	236,45	
3	Lập dự án cải tạo rừng					
4	Chuyển đổi rừng					

*** Thuyết minh, phân tích phương án:**

** Xây phương án quản lý bảo vệ rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.*

- Tổ chức kiểm kê xác định giá trị rừng để giao rừng; lập phương án quản lý, bảo vệ rừng bền vững trình cấp thẩm quyền thẩm định, cấp chứng chỉ rừng cho công ty trong năm 2015.

- Lập hồ sơ thiết kế và dự toán quản lý, bảo vệ rừng trình cấp thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

- Thành lập Đội quản lý bảo vệ rừng chuyên trách quản lý bảo vệ rừng tự nhiên; mua sắm một số trang thiết bị cần thiết, tạo nơi ăn, chốn ở ổn định cho lực lượng quản lý bảo vệ thực hiện nhiệm vụ được giao.

** Giải pháp phát triển rừng trồng là rừng sản xuất.*

- Chọn loại cây trồng phù hợp từng vùng, từng loại đất, đáp ứng được lợi ích kinh tế cũng như môi trường, đầu tư thâm canh, áp dung giống cây lâm nghiệp có NS, chất lượng cao.

- Tổ chức thực hiện theo hình thức khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; ưu tiên giải quyết cho nhân dân trong vùng dự án, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

5. Phương án về Tài chính và đầu tư

Biểu 08/TH-TCĐT

TT	**Mục**	**ĐVT (1.000 đồng)**	**Tổng số**	**Chia ra**		
				Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	**Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**	**Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân**
1	Vốn điều lệ			2.995.019	6.110.507	

2	Kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất		5.000		5.000	
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích		4.811.244		4.811.244	
4	Kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng		1.500.000		1.500.000	
5	Kinh phí chuyển đổi		97.000		97.000	
6	Các khoản công nợ, nợ khó đòi, các khoản phải trả		204.667		204.667	
	+ Nợ phải trả		204.667		204.667	

*** Thuyết minh, phân tích phương án:** Đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô phân tích như sau:

* Vốn điều lệ xin điều chỉnh lại: 8,194 tỷ đồng

- Vốn điều lệ đề nghị phê duyệt: 2,084 tỷ đồng; (giảm: 2,296 tỷ đồng; bao gồm các công trình, vật kiến trúc và chi phí mới đầu tư trên đất đã thu hồi bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 01/7/2013: 1,744.967 đồng và Công nợ không có khả năng thanh toán do trước đây thực hiện chương trình dự án thông qua lâm trường nhưng công ty phải thừa kế trách nhiệm: 551.482.000 đồng).

- Vốn điều lệ điều chỉnh bổ sung: 6,11 tỷ đồng (Bao gồm: 50 % tổng nhu cầu vốn đầu tư, mua sắm hình thành tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh chính của DN trong 5 năm; Nhu cầu vốn hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của Doanh nghiệp: 50,399 triệu đồng.

* Đầu tư và tín dụng đầu tư phát triển.

Đầu tư nâng cấp vườn ươm: Nhằm đảm bảo về số và chất lượng giống cây lâm nghiệp phục vụ cho công tác trồng rừng, và cung ứng dịch vụ cho nhu cầu người dân trong vùng dự án.

* Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất.

- Tổng diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất: 4.009,37 ha.

- Kinh phí bảo vệ hàng năm là: (200 ngàn đồng/ha/năm) 801.874.000 đồng/năm

Thực hiện theo Điểm i, Phần 2, Điều 1, tại Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giao đoạn 2014-2020. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải dừng khai thác. Nguồn kinh phí hỗ trợ là: 200.000 đồng/ha.

* Xử lý tài chính đối với công trình kết cấu hạ tầng, tài sản trên đất khi bàn giao đất cho địa phương quản lý sử dụng: 1,744.967 tỷ đồng; *trong đó:*

- Đường giao thông nội vùng phục vụ công tác lâm sinh đã bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định thu hồi đất số 159/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ngãi với giá trị còn lại là: 236.375 ngàn đồng

- Chi phí xây dựng cơ bản dỡ dang rừng sản xuất: 1.305.374 ngàn đồng.

Đây là chi phí đầu tư tái tạo rừng sau khai thác rừng tự nhiên của Lâm trường Ba Tô trước đây thực hiện từ năm 1995 đến năm 2003

- Chi phí phát thực bì rừng SX tại TK 438 - xã Ba Nam: 66.900 ngàn đồng.

- Chi phí vườn ươm: Vườn ươm bị người dân tranh chấp đập phá: 136.318 ngàn đồng.

**** Xử lý công nợ:***

- Công nợ không có khả năng thanh toán do thực hiện các chương trình dự án thông qua Lâm trường trước đây nhưng nay công ty phải thừa kế trách nhiệm với tổng số tiền là: 551.482 ngàn đồng; *Trong đó:*

- Nợ cây con của Dự án WB3 và cá nhân không còn cư trú tại địa phương: 56.205 ngàn đồng. Đây là hộ đồng bào dân tộc thiểu số, mua cây con thực hiện dự án trồng rừng WB3 nhưng không vay được vốn từ Ngân hàng chính sách; rừng trồng hiện nay không thành rừng, không có khả năng thanh toán cho công ty.

- Nợ khó đòi: 33.680 ngàn đồng. Thiệt hại do thiên tai hạng mục trồng rừng: 45.734 ngàn đồng. Tạm ứng không quyết toán được: 250.662 ngàn đồng. Tổng số tạm ứng thực hiện thi công trồng rừng dự án JBIC và gieo tạo cây con chưa thanh toán được từ Lâm trường chuyển qua. Chi phí trả trước dài hạn: 165.201 ngàn đồng.

6. Phương án về lao động

Biểu số 09/TH-LĐ

TT	Tên công ty	Tổng số LĐ tại thời điểm SXĐM (người)	Chia ra			
			Tiếp tục sử dụng	Đào tạo lại chuyển nghề	Giải quyết theo chế độ dôi dư	Nghỉ theo Luật LĐ
1	Cty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	25	12		12	01
2	Cty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	14	12		02	
3	Cty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân	14			14	
	Tổng cộng	53	24		28	01

*** Thuyết minh, phân tích phương án:**

Đối với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô hiện tại có 14 người, xin nghỉ lao động dôi dư 02 người. Sau khi phương án thống nhất tiếp tục tuyển lao động từ 12 người lên 22 người (tăng 10 người) bao gồm: cán bộ quản lý 10 người, Công nhân trực tiếp sản xuất và dịch vụ 12 người (đội QLBVR chuyên trách 10 người và trạm QLBVR 02 người).

Tổ chức tuyển chọn hợp lý số lao động có chuyên môn khá, phẩm chất đạo đức tốt để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo; có cơ chế chính sách tiền lương, hợp lý nhằm thu hút cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt về làm việc tại công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên và người lao động; đảm bảo có việc làm và thu nhập cao cho người lao động; có cơ chế chính sách tiền lương, hợp lý nhằm thu hút cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt về làm việc tại công ty.

Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý; chú trọng công tác tạo nguồn, cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ, có năng lực chuyên môn, năng lực thực tiễn đã qua rèn luyện và thử thách .

Trên cơ sở quy hoạch đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ theo chức danh và cán bộ dự nguồn; đồng thời khuyến khích phong trào tự học, tự nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức.

Giải quyết lao động dôi dư: Sau khi có Thông tư hướng dẫn, công ty tiến hành lập phương án lao động dôi dư theo quy định; nguồn kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư, thuộc nguồn vốn ngân sách.

PHẦN THỨ III
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị

Sau khi phương án được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và chấp thuận trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất Bộ, ngành Trung ương một số nội dung như sau:

a) Đối với Công ty TNHH một thành viên Nông lâm nghiệp 24/3 Đức phổ: Xem xét, đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa khi phương án đước phê duyệt; hỗ trợ kinh phí chi trả giải quyết lao động dôi dư sắp xếp lại doanh nghiệp và giải quyết trợ cấp thôi việc với người lao động theo quy định hiện hành.

b) Đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô:

- Tạo điều kiện hỗ trợ vốn cho công ty lâm nghiệp sau khi đổi mới có đủ vốn điều lệ theo quy định, tạo điều kiện cho công ty đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

- Có chính sách tín dụng đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư trồng rừng sản xuất bằng nguồn vốn ODA từ Ngân hàng phát triển Việt Nam. Trong đó, có chính sách đặc thù về hạn mức vay, tài sản thế chấp, thời gian trả gốc và lãi vay, nguồn vốn đối ứng.

- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng để xây dựng lại trụ sở làm việc hiện nay

đã hết khấu hao, xuống cấp nghiêm trọng, hàng năm đến mùa mưa bão ảnh hưởng đến tính mạng của cán bộ công nhân viên của các Công ty.

- Đối với diện tích rừng tự nhiên sau khi cắm mốc ranh gới còn lại: 4.009,37 ha đề nghị có cơ chế chính sách cụ thể đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất theo cơ chế: Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải dừng khai thác. Nguồn kinh phí hỗ trợ là: 200.000 đồng/ha theo Điểm i, Phần 2, Điều 1, tại Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020.

- Miễn tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất trồng rừng sản xuất 469,81 ha được nhà nước cho công ty thuê; vì dự án trồng rừng sản xuất thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Mặc khác, lợi nhuận từ khai thác gỗ rừng trồng công ty phân chia cho hộ nhận khoán hưởng 50%; trong đó: Trích cho quỹ bảo vệ, phát triển rừng địa phương 5%; công ty còn lại 45%.

- Xử lý tài chính: Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi do trước đây thực hiện các chương trình dự án thông qua lâm trường nhưng nay công ty phải thừa kế trách nhiệm; các công trình, vật kiến trúc và chi phí mới đầu tư trên đất đã thu hồi bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tăng vốn điều lệ của Công ty: Theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ Tài chính, hướng dẫn một số chính sách tài chính đặc thù đối với công ty nông, lâm nghiệp sau khi hoàn thành sắp xếp, đổi mới.

- Có cơ chế thống nhất để công ty tận thu gỗ thông rừng trồng thuộc nguồn vốn của doanh nghiệp nằm trên đất dự kiến bàn giao cho địa phương đợt II.

- Về lao động: Sau khi có Thông tư của Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, công ty tiến hành lập phương án lao động dôi dư theo quy định; nguồn kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Kết luận

- Công ty TNHHMTV 24/3 Đức phổ Quảng Ngãi thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, nhà nước không giữ cổ phần chi phối.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tiếp tục duy trì, cũng cố và phát triển 100% vốn nhà nước; thực hiện nhiệm vụ công ích theo quy định của pháp luật *(theo Điểm 2- Điều 8 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ).*

- Công ty TNHHMTV Lâm nghiệp Trà Tân giải thể hoặc phá sản thực hiện theo quy định hiện hành./.

BIỂU 05/SXDM: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số 3624 /UBND-NNTN ngày 21 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Loại đất	Mã	Phương án sử dụng đất sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới (ha)							
			Tổng số		Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô		Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân	
			Cho thuê	Giao không thu tiền SDĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SDĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SDĐ	Cho thuê	Giao không thu tiền SDĐ
I	**Tổng diện tích đất của công ty**		**1.179,25**	**4.009,37**	**709,44**	**-**	**469,81**	**4.009,37**		
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**704,49**	**-**	**704,49**	**-**				
1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***SXN***	***364,35***	**-**	***364,35***	**-**				
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	322,05	-	322,05	-				
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	20,76	-	20,76					
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	301,29	-	301,29					
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	42,30	-	42,30					
1.2	***Đất lâm nghiệp***	***LNP***	***802,66***	***4.009,37***	***337,09***	**-**	***465,57***	***4.009,37***		
1.2.1	Đất rừng sản xuất:	RSX	560,73	-	337,09	-	223,64			
1.2.1.1	Đất có rừng tự nhiên	1100	-	4.009,37				4.009,37		
a)	Rừng giàu	1111	-	4.009,37				4.009,37		
1.2.1.2	Đất có rừng trồng	1200	560,73	-	337,09	-	223,64			
1.2.1.2.1	Rừng gỗ	1210	560,73	-	337,09		223,64			
1.2.1.3	Đất chưa có rừng	2000	241,93	-			241,93			
1.2.1.3.1	Đất nương rẫy (Lâm nghiệp)	2010	241,93	-			241,93			
1.3	***Đất nuôi trồng thủy sản***	***NTS***	***0,18***	**-**	***0,18***					
1.4	***Đất làm muối***	***LMU***	**-**	**-**						
1.5	***Đất nông nghiệp khác***	***NKH***	***2,87***	**-**	***2,87***					
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**9,19**	**-**	**4,95**	**-**	**4,24**			
2.2	***Đất chuyên dùng***	***CDG***	***4,44***	**-**	***0,20***	**-**	***4,24***			
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,58	-	0,20		1,38			
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	2,86	-			2,86			
2.7	***Đất có mặt nước chuyên dùng***	***MNC***	***3,46***	**-**	***3,46***					
2.8	***Đất phi nông nghiệp khác***	***PNK***	***1,29***	**-**	***1,29***					

BIỂU 06/SDTS: PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số 3624 /UBND-NNTN ngày 21 /7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Loại tài sản	ĐVT	Số lượng tài sản tiếp tục quản lý, sử dụng			Số lượng tài sản không sử dụng		
			Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân	Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Đức Phổ	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân
TT	Loại tài sản							
A	**Vườn cây, mặt nước nuôi trồng thuỷ sản**		**378,99**	**-**	**124,00**	**-**	**-**	**-**
I	**Cây hàng năm =1+2..+4**	**Ha**	**378,81**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Lúa	Ha	14,26					
2	Mía	Ha	216,65					
4	Khác	Ha	147,90					
II	**Cây lâu năm=1+2+..6**	**Ha**	**-**	**-**	**124,00**	**-**	**-**	**-**
1	Cao su	Ha			124,00			
III	**Nuôi trồng thủy sản**	**Ha**	**0,18**					
B	**Rừng sản xuất là rừng trồng**	**Ha**	**359,76**	**223,64**	**36,00**	**-**	**-**	**-**
1	Rừng 1 tuổi	Ha	44,04	11,00				
2	Rừng 2 tuổi	Ha	46,83					
3	Rừng 3 tuổi	Ha	54,04	18,20				
4	Rừng 4 tuổi	Ha	76,05	18,00				
5	Rừng 5 tuổi	Ha	79,72	167,50				
6	Rừng 6 tuổi	Ha	59,08		36,00			
13	Rừng trên 25 tuổi	Ha		8,94				
C	**Tài sản cố định là công trình kết cấu hạ tầng**							
1	Đường giao thông	Km					5,79	
4	Nhà xưởng sản xuất, nhà kho	m2		7.500,00	1.440,00	405,20		
5	Nhà ở và làm việc	m2	325,20	762,78	536,40			
7	Khác .....(a+b+c)		45,00					
a)	Trạm Quản lý bảo vệ rừng			32,00				
b)	Xây dựng dở dang RSX và xây dựng khác (từ lâm trường chuyển qua)						411,00	
c)	Xây dựng cơ bản TK 438-rừng trồng sản xuất Ba						44,60	